TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 67/2024/QĐST-VHNGĐ	

H, ngày 15 tháng 03 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần giải quyết việc Hôn nhân và gia đình gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: **Bà Nguyễn Bích Hạnh.**

Thư ký phiên họp: Bà Phạm Thị Trang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên họp:

Bà Ngô Phương Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 03 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội mở phiên họp công khai giải quyết việc Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 45/2024/TLST-VHNGĐ ngày 28/02/2024, về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn". Theo Quyết định mở phiên họp giải quyết việc hôn nhân gia đình số 54/QĐST-VHNGĐ ngày 7/3/2024 gồm:

*** Những người yêu cầu sau đây:**

- Anh D, sinh ngày 04/11/1979.

Căn cước công dân số ********** do Cục Cảnh sát đăng ký quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về cư dân cấp ngày 25/4/2021.

Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: xã M, huyện P, thành phố H *(anh D có mặt).*

- Chị S, sinh ngày 03/01/1980 (Tên gọi khác: X).

Số CMND: **********; Quốc tịch: Q

Hộ chiếu số ******* do Bộ ngoại giao nước Q cấp ngày 06/03/2023.

Địa chỉ tại nước Q: phường V, khu V, thành phố Đ, nước Q.

(Chị S có đơn xin vắng mặt); Chị S ủy quyền cho anh D giao, nhận Văn bản tố tụng thay chị).

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN GIA ĐÌNH:

*** Theo anh D trình bày:**

- Về tình cảm: Tôi và chị S đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện ngày 10/10/2016 tại Ủy ban nhân dân huyện P, thành phố H. Sau khi kết hôn chúng tôi sống tại xã C, huyện P, thành phố H. Chị S ở nước N ít ngày sau đó sang nước Q sống và làm việc còn tôi ở lại nước N. Một năm chị S về nước N khoảng hai đến ba lần. Do khoảng cách địa lý xa xôi, vợ chồng ít gặp nhau nên tình cảm ngày một phai nhạt từ đó chúng tôi ít nói chuyện, không chia sẻ với nhau dẫn đến bất đồng quan

điểm và không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Nay tôi xác định không còn tình cảm với chị S, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị S cũng đồng ý ly hôn. Vì vậy, tôi đề nghị Tòa án nhân dân thành phố H giải quyết công nhận thuận tình ly hôn cho tôi và chị S.

- Về con chung: Chúng tôi không có con chung.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Chúng tôi không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí giải quyết ly hôn: Tôi tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí.

*** Theo chị S trình bày:**

Năm 2013, tôi và anh D là công dân nước N quen nhau tại nước Q. Sau một thời gian tìm hiểu nhau chúng tôi quyết định kết hôn. Tôi đã về nước N làm thủ tục đăng ký kết hôn cùng anh D tại Ủy ban nhân dân huyện P, thành phố H ngày 10/10/2016. Sau đó, chúng tôi đến Văn phòng kinh tế văn hóa nước N tại thành phố B nộp đơn xin phỏng vấn để xin cho anh D xin visa cùng tôi sang nước Q định cư, nhưng kết quả phỏng vấn không thông qua. Sau đó, anh D không thể sang nước Q. Công việc của tôi rất bận nên không thể sang nước N. Thời gian đầu chúng tôi liên lạc với nhau qua điện thoại nhưng chúng tôi liên lạc với nhau ngày càng ít. Mỗi lần nói chuyện cùng nhau đều nảy sinh mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Vì vậy chúng tôi quyết định thuận tình ly hôn. Vậy nên tôi mong Tòa án nhân dân thành phố H giải quyết cho tôi và anh D ly hôn. Trong thời gian tôi và anh D kết hôn, chúng tôi không sống cùng nhau, không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung.

Do điều kiện không thể về nước N giải quyết được, chị S đã có đơn xin giải quyết vắng mặt và ủy quyền cho anh D giao, nhận các văn bản tố tụng của Tòa án.

Tại phiên họp:

- Anh D giữ nguyên ý kiến và quan điểm đã trình bày, anh thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa anh và chị S.

- Chị S có đơn xin vắng mặt tại phiên họp. Chị S đã có ủy quyền cho anh D có toàn quyền giải quyết việc ly hôn của anh chị, giao và nhận toàn bộ giấy tờ, các văn bản tố tụng thay chị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội phát biểu:

Về tố tụng, việc Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung, các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận, phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc hôn nhân gia đình được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Anh D và chị S kết hôn do tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 10/10/2016 tại Ủy ban nhân dân huyện P, thành phố H nên là hôn nhân hợp pháp. Việc anh D và chị S yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình tại Tòa án là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật tố tụng dân sự. Khi Tòa án thụ lý giải quyết việc hôn nhân gia đình, chị S đang sinh sống và làm việc tại nước Q nên Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 35, Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của chị S tại phiên họp: Chị S đã có đơn xin giải quyết vắng mặt đồng thời chị S đã có giấy ủy quyền cho anh D giao, nhận văn bản tố tụng. Do vậy, Tòa án mở phiên họp giải quyết việc hôn nhân gia đình vắng mặt chị S theo quy định tại khoản 2 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét quá trình chung sống, anh D và chị S đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng ít quan tâm nhau. Ngoài ra, do khoảng cách địa lý vợ chồng sống ly thân mỗi người mỗi nơi, anh D sống tại N, chị S sinh sống tại nước Q nên mâu thuẫn của anh chị càng thêm trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh D và chị S là chính đáng và phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Về con chung: Anh chị không có nên Tòa án không xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh D và chị S cùng xác định không có nên Tòa án không xét.

Về lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình: Anh D phải chịu toàn bộ lệ phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 29; khoản 3 Điều 35; Điểm b khoản 1 Điều 37; Khoản 2 Điều 67; Điều 143, 146, 149, 367, 369, 370, 371 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 hướng dẫn mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, quyết định:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh D và chị S.

2. Về con chung: Anh D và chị S cùng xác định không có nên Tòa án không xét.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Anh D và chị S cùng xác định không có

nên Tòa án không xét.

4. Về lệ phí: Anh D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0022953 ngày 21/02/2024 tại Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Ghi nhận anh D đã nộp đủ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 15/03/2024.

Nơi nhận:
- Người yêu cầu;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội;
- Ủy ban nhân dân huyện P, TP Hà Nội;
- Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội;
- Lưu.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Bích Hạnh